TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 239/2025/DS-ST Ngày 19 - 11 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Bích T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: ấp TL, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp TL, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Bích T trình bày: Ngày 25/02/2025 dl, anh N có mượn của chị số tiền 30.000.000đ, có làm biên nhận. Nay chị yêu cầu anh N trả số tiền vốn vay 30.000.000đ và tiền lãi của 08 tháng theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Bùi Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Bích T khởi kiện yêu cầu anh Bùi Thanh N trả tiền vay là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh N có vay của chị T số tiền 30.000.000đ. Từ khi vay đến nay anh N không trả tiền vốn, lãi cho chị T. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch vay tiền với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, có lập biên nhận. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết anh N không có yêu cầu phản tố, cũng như ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi vay tiền đến ngày xét xử anh N không thanh toán tiền lãi chi chị T. Do đó, yêu cầu tiền lãi của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc anh N phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị T cụ thể: (30.000.000đ x 20%/năm) x 08 tháng = 4.000.000đ.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bích T.

1. Buộc anh Bùi Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Bích T số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Trần Bích T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu anh Bùi Thanh N chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Trần Bích T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị T 846.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001964 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

3.2. Anh Bùi Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh